TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc
-------=====---------

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18/01/2018
V/v "Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung, chia tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Biện công Nặng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1) Ông **Nguyễn Thành Dân**.

2) Ông **Nguyễn Tấn Út**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Luyến**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Cường -** Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 151/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017; về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung*"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/12/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Dương Kim K** (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã Vĩnh L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông **Lê Văn U**. (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã Vĩnh L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Người có nghĩa vụ, quyền lợi liên quan:

1. Bà **Dương Thu N** (có mặt).

2. Ông **Triệu Hoàng T** (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T là bà Dương Thu N theo văn bản ủy quyền ngày 21/11/2017.

Cùng trú: ấp Cơi N, xã Mỹ B, thị xã Ngã N, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ông **Đỗ Thanh L** (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã Vĩnh L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

4. **Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng**. (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn U1** là Luật Sư của văn Phòng luật sư **Việt U1**, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: ấp C, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Dương Kim K trình bày:

Tôi với ông Lê Văn U sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn, do hai bên tự nguyện, thời gian vợ chồng sống chung đã có với nhau được 01 đứa con chung tên là Lê Đức P, sinh ngày 19/4/2004, hiện tại cháu Phong đang sống với tôi.

Lý do tôi xin Tòa tuyên bố tôi với ông U không phải là vợ chồng bởi vì: từ năm 2005 đến nay ông U ham mê rượu chè, cờ bạc bỏ bê gia đình nên vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được.

Tại phiên tòa hôm nay tôi yêu cầu:

- Tòa án tuyên bố tôi với anh Lê Văn U không phải là vợ chồng và kể từ nay tôi xin chấm dứt quan hệ như vợ chồng với anh U.

- Về con chung tên: Lê Đức P, sinh ngày 19/4/2004 tôi xin được nuôi con chung và không yêu cầu ông U phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chúng tôi đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tôi xin rút lại phần yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung vì tôi với ông Lê Văn U đã thỏa thuận xong và tôi đã nộp đơn xin rút lại một phần đơn khởi kiện.

Bị đơn ông Lê Văn U trình bày tại phiên hòa giải ngày 30/11/2017 như sau:

Tôi thống nhất với lời trình bày của bà Dương Kim K, tôi với bà K sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2003 đến nay, không có đăng ký kết hôn, về con chung tài sản chung như bà K trình bày là đúng.

Về mâu thuẫn giữa vợ chồng không đến nổi trầm trọng phải ly hôn.

Tại phiên hòa giải ông U xin hàn gắn lại tình nghĩa vợ chồng để cùng nhau nuôi dưỡng đứa con chung, ông U không đồng ý ly hôn với bà K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Dương Thu N** và đại diện cho chồng là ông **Triệu Hoàng T** trình bày:

Năm 2016 vợ chồng bà K, ông U có cố cho vợ chồng tôi 04 công đất ruộng với giá 120.000.000 đồng. Vợ chồng tôi và vợ chồng ông U đã làm tờ giấy thỏa thuận phần đất cố này xong rồi.

Tại phiên tòa hôm nay tôi không có yêu cầu gì cả.

Ông **Đỗ Thanh L** trình bày trong biên bản hòa giải ngày 30/11/2017:

Trước đây tôi có sang cái nền đất của ông U, bà K để ở tạm và tôi đã có thỏa thuận với ông U, bà K về số tiền sang đất xong rồi.

Tại phiên hòa giải ông Liêm không có yêu cầu gì cả.

Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng trình bày:

Theo văn bản số 12/2017/NHN0.TT.TL ngày 20/11/2017 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng cho biết là vợ chồng ông U bà K có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền ngân hàng nhưng chưa đến hạn trả nợ Ngân hàng không có yêu cầu độc lập và xin Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa như sau:

- Từ khi thụ lý đến ngày mở phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật.

- Những người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Qua chứng cứ và ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa căn cứ vào các Điều 14; 15; 81; 82 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Kim K.

Về hôn nhân đề nghị giải quyết: không công nhận bà Dương Kim K với ông Lê Văn U là vợ chồng.

Về con chung đề nghị giao cháu Lê Đức P cho bà Kim K nuôi dưỡng, anh U không phải cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà K.

Ý kiến của vị luật sư:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội khóa 10 là không công nhận bà Dương Kim K với ông Lê Văn U là vợ chồng vì không có đăng ký kết hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: bà K với ông U đã lập văn bản thỏa thuận với nhau có công chứng của UBND xã Vĩnh L nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Đức P cho bà Dương Kim K nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông U không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Dương Kim K khởi kiện anh Lê Văn U về việc yêu cầu Tòa án không công nhận Bà và Ông Lê Văn U là vợ chồng và xin được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung. Tòa án đã thụ lý vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung" theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, và khoản 1, Điều 51 của luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt ông Lê Văn U lần thứ hai, Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh U vẫn cố tình không đến dự phiên tòa lần hai, đối với những người có nghĩa vụ và quyền lợi liên quan đã có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn Lê Văn U.

[2].Về nội dung vụ án: Bà Dương Kim K khởi kiện anh Lê Văn U về việc yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Lê Văn U là vợ chồng và xin được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung nên đơn khởi kiện của bà K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị là đúng theo qui định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa hôm nay cũng như hồ sơ mà phía nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận của bị đơn trong phiên hòa giải, đã có đủ cơ sở xác định rằng bà K với ông U sống chung với nhau từ năm 2003 đến nay nhưng hai người không có đăng ký kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, hai người đã có với nhau 01 đứa con chung, như vậy về phong tục tập quán địa phương và thân nhân hai bên nhìn nhận anh chị là vợ chồng nhưng về pháp luật thì chưa công nhận ông bà là vợ chồng.

Nay hai người phát sinh mâu thuẫn trong quá trình sống chung, chị K yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông U là vợ chồng đồng thời xin được nuôi con chung và chia tài sản chung.

Đến ngày 12/12/2017 chị Dương Kim K đã nộp đơn xin rút lại một phần đơn khởi kiện, nội dung xin rút là không yêu cầu chia tài sản chung vì bà với ông U đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung rồi, do đó tại phiên tòa hôm nay bà chỉ yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông U là vợ chồng và xin được nuôi con chung, không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên hòa giải về phía anh U thì yêu cầu xin hàn gắn vì lý do còn thương vợ, thương con không muốn ly hôn với vợ và xin hứa sẽ khắc phục những thiếu sót khuyết điểm vừa qua để yêu cầu bà K đoàn tụ lại gia đình.

Xét thấy lời trình bày của chị K cương quyết không muốn tiếp tục sống chung với ông U với lý do là không còn tình cảm vợ chồng, còn phía anh U thì xin hàn gắn, nhưng hôn nhân của vợ chồng phải xuất phát từ ý chí tự nguyện của hai bên chứ không thể cưỡng ép trong trường hợp này bà K đã cương quyết không muốn sống chung với anh U như vợ chồng nữa nên Hội đồng xét xử sẻ chấp nhận yêu cầu của bà K và tuyên bố không công nhận bà K và ông U là vợ chồng là đúng theo quy định tại khoản 1, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015, về con chung bà K yêu cầu được tiếp tục nuôi con, xét thấy cháu Lê Đức P sinh ngày 19/4/2004 đang sống với bà K nên tiếp tục giao cho bà K nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và theo yêu cầu của bà K là ông U không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: hai người đã có văn bản tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu tòa án giải quyết bà K đã có đơn yêu cầu xin rút lại một phần đơn khởi kiện, ông U không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết việc phân chia tài sản chung.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

[4] Từ những diện dẫn như đã nêu trên Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Dương Kim K.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 và các Điều 58; 81; 82 của Luật hôn nhân gia đình năm 2015, điểm b, c khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội khóa 10. Xét đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm Sát tại phiên tòa, ý kiến

của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Dương Kim K. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của bà Dương Kim K.

Về con chung tiếp tục giao cho bà K nuôi dưỡng cháu Lê Đức P đến tuổi trưởng thành, ông U không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5]- Về tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2, Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bà K phải chịu tiền án phí sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân gia đình không có giá ngạch là: 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14; 15; 53; 58; 81; 82 của Luật hôn nhân gia đình năm 2015.

Áp dụng điểm b, c khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội khóa 10.

Áp dụng điểm a, khoản 5, Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Kim K về việc yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Lê Văn U là vợ chồng.

Tuyên bố bà Dương Kim K và ông Lê Văn U không phải là vợ chồng.

Về con chung: tên Lê Đức P, sinh năm 2004 hiện đang sống chung với bà K, tiếp tục giao cho bà K nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông U không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông Lê Văn U không ai có quyền ngăn cản.

Đình chỉ việc giải quyết chia tài sản chung và nợ chung giữa bà Dương Kim K với ông Lê Văn U.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà K phải chịu là: 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 19.498.000 đồng theo biên lai thu số 0009025 ngày 07/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh T. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà K số tiền: 19.198.000 đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản cho bà K số tiền: 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) theo phiếu thu số: 1008803 ngày 06/12/2017 của cơ quan Tòa án huyện Thạnh Trị.

Án hôn nhân gia đình sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Biện công Nặng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;